

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 8 - 2021

“V/v Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC - TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 116/2020/TLST- HNGĐ ngày 08/12/2020 về việc *“Ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST ngày 08/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị Th, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lộc Văn V, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi liên quan: Cháu Lộc Thùy Mẫn N, sinh ngày 16/02/2019; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của cháu N:

- Chị Nông Thị Th, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là mẹ cháu N – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Lộc Văn V, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là cha của cháu N – vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị Th trình bày: Ngày 23/11/2018, chị Th và anh V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi kết hôn, chị Th và anh V chung sống với gia đình chồng tại Thôn T, xã Đ, huyện T.

Từ khi bắt đầu chung sống, anh V nghiện chơi game, không lo làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, chị đã trao đổi nhiều lần nhưng anh không thay đổi dẫn đến hai vợ chồng mâu thuẫn với nhau. Hiện nay, chị Th và anh V đã sống ly thân với nhau từ 6/2019 đến nay; chị cùng con hiện đang sinh sống tại nhà mẹ đẻ. Từ khi sống ly thân, anh V cũng có đến thăm con nhưng không thường xuyên; không chu cấp gì cho con. Sự việc xảy ra, chị Th không có trình báo cơ quan đoàn thể và chính quyền địa phương; vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau; mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị Th làm đơn ly hôn với anh V.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Th và anh V có 01 con chung Lộc Thùy Mẫn N, sinh ngày 16/02/2019. Nguyên vọng chị Th muốn nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng.

Đối với tài sản chung và nợ chung thì anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lộc Văn V: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh V đến trụ sở Tòa án để giải quyết ly hôn với chị Th nhưng anh V vắng mặt. Qua xác minh tại Công an xã Đ xác định: “*Anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ, chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn về sinh sống tại địa phương*”. Tòa án đã cùng chính quyền địa phương đến nhà anh V, tuy nhiên anh V vắng mặt nên không thể tổng đạt các văn bản tố tụng được. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh V theo quy định. Tuy nhiên, anh V không có ý kiến và không cũng đến Tòa án theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Th ly hôn với anh Lộc Văn V.

Về con chung: Giao cháu Lộc Thùy Mẫn N, sinh ngày 16/02/2019 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: do chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001316 ngày 08/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nông Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lộc Văn V và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh V đăng ký thường trú tại Thôn T, xã Đ, huyện T do đó, đây là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: *Anh V chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn về sinh sống tại địa phương*; Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh V không đến Tòa án làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh V theo thủ tục chung nhưng anh không hợp tác, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 08/7/2021 và phiên tòa hôm nay, anh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị Th với anh V; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 23/11/2018, chị Nông Thị Th và anh Lộc Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh V là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Chị Th cho rằng, từ khi bắt đầu chung sống, anh V nghiện chơi game, không lo làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, dẫn đến mâu thuẫn; hiện nay, chị Th và anh V đã sống ly thân với nhau từ 6/2019 đến nay; anh V không thường xuyên đến thăm và không chu cấp gì cho con; quá trình giải quyết

vụ án chị Th xác định không còn tình cảm với anh V. Đối với anh V, khi chị Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh V cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ, anh V vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là thể hiện thái độ không còn mong muốn đoàn tụ. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Th với anh V là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Lộc Thùy Mẫn N, sinh ngày 16/02/2019. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*. Do anh V vắng mặt nên không thỏa thuận được với chị Th về người trực tiếp nuôi con chung; hiện tại, cháu N đang sống chung với chị Th. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp, anh V có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Chị Th không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nông Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001316 ngày 08/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị Th.

1. Về hôn nhân: Chị Nông Thị Th ly hôn với anh Lộc Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Lộc Thùy Mẫn N, sinh ngày 16/02/2019 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Anh Lộc Văn V có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, anh V có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nông Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001316 ngày 08/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Quang Trung